

JW4400 频谱分析仪

● 产品概述



● 产品特点



● 技术指标及优势

厂商	安利 MS2711E	安利 MS2712E / MS2713E	是德 N9340B	Rohde & Schwarz, FPH	JW4400
频率范围	9 KHz - 3 GHz	MS2712E: 9 KHz - 4 GHz MS2713E: 9 kHz - 6 GHz	100 kHz - 3 GHz	5 kHz - 2 GHz / 3 GHz [opt B3] / 4 GHz [opt B3 & B4]	10 MHz - 4.2GHz
频率准确度	< ± 1.5 ppm, < ± 50 ppb 加 GPS 选件	< ± 50 ppb 加GPS 选件	± 1 ppm	± 1 ppm	± 1 ppm
测量功能	占据带宽, 通道功率, 邻道功率比, 载干比	占据带宽, 通道功率, 邻道功率比, 载干比	频谱发射模板, 场强, 功率计, 占据带宽, 通道功率, 邻道功率比	--	占据带宽, 通道功率, 邻道功率比, 相噪
分析功能	瀑布图、信号强度, RSSI, 信号ID, 地图	瀑布图、信号强度, RSSI, 信号ID, 地图	瀑布图	-	地图定位, 场强, 频率标识
DANL	-142 dBm in 100 Hz RBW with Preamp Option	-162 dBm in 1 Hz RBW	-144 dBm @ 1 GHz	< -153 dBm @ 1 GHz	< -168 dBm @ 1 GHz
相位噪声	-90 dBc/Hz max @ 10 kHz offset at 1 GHz	-100 dBc/Hz max @ 10 kHz offset at 1 GHz	-119 dBc/Hz @ 1 GHz (1 MHz offset) -89 dBc/Hz @ 1 GHz (30 kHz offset)	-105 dBc (1 Hz) @ 100 kHz offset	1GHz -96dBc/Hz, @1GHz (10kHz 频偏) -118dBc/Hz, @1GHz (1MHz 频偏)